TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 254/2018/QĐST-HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 05 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi làm việc: Công ty cổ phần Xi măng H, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Ngô Viết Kh, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi làm việc: Khu sản xuất K, Trại giam H, Cục C10, Bộ công an.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Lương và anh Ngô Viết Khiển.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Ngô Viết A, sinh ngày 29/7/2006 và Ngô Bảo C, sinh ngày 26/8/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung với chị L mỗi con 2.000.000đồng/01 tháng kể từ tháng 9/2018 đến khi con tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 20 hằng tháng. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày chị L yêu cầu thi hành án, nếu anh Kh không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và 150.000 đồng án phí giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001762 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn,
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn,
- UBND xã D, huyện K (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: TA, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Hiệu